

音 VIEN AM 圓

NGUYỆT SAN



CỦA

HỘI AN-NAM PHẬT-HỌC

phát hành

刊 月

會學佛南安
行發

THỊCH-CA MAU NI PHAT

TÁC ĐẠI CHỪNG-MINH

ANNAM PHẬT HỌC HỘI, VIỆN ÂM NGUYỆT SAN

Chủ Nhiệm

NGUYỄN-ĐÌNH-HOÈ

VIÊN ÂM

Chủ Bút

LÊ-ĐÌNH THẨM

MỤC LỤC

	Pages
I — Lời nói đầu	1
II — Nhơn-sanh-quán	2
III — Quan-niệm của Đạo Phật đối với sự chết	5
IV — Học Phật tức là báo ơn Phật	10
V — Bức thư trong nhịp lễ Phật đản	13
VI — Phật học vấn-đáp	16
VII — Đại-ý Kinh Thủ-lăng-nghiêm	21
VIII — Kinh thủ-lăng-nghiêm	24
IX — Tiên tức	25
X — Tin ngoài Hội	30

LỜI NÓI ĐẦU



Ngọn lửa Âu chiến nổi lên, thời cuộc thái bình bỗng đổi ra thời cuộc giặc-giã, làm cho ai nấy đều phải ngạc-nhiên, đều phải phân-vấn về nỗi tương-lai, đâu ai nấy đều tin chắc nơi sự thắng lợi của Đồng-Minh, sự thắng lợi của công lý.

Chính Viên-âm cũng phải phân-vấn vì không thể liệu-định trước giá giấy tiền công sẽ lên đến chừng nào, người soạn bài kẻ giúp việc sẽ thuyên-chuyển nơi nào!

Nhưng sau một lúc ngạc-nhiên, Viên-âm, cũng như mọi người, lần quen với thời cuộc và sắp-đặt tổ-chức một lối sống mới, thích hợp với thời cuộc.

Giá in đã mắc, số trương phải trụt xuống, số trương đã trụt xuống thì bài-vở phải lựa-lọc cho xác-đáng đề khỏi phụ lòng tín-nhiệm của độc-giả.

Các báo-chí khác còn sống, thời Viên-âm còn sống, sống một cách khó-khăn, nhưng nhờ đạo-tâm của Phật-giáo-đồ, vẫn sống để chờ ngày toàn thắng của công-lý.

VIÊN - ÂM



Nhơn sanh quán

Người vì sao mà sanh, sanh ra để làm gì, trước khi sanh ra thế nào, hết sanh rồi sẽ ra sao, vì đâu đồng sanh một thời mà có người khôn kẻ dại, người sướng kẻ khổ khác nhau, lại thiết-thiết đời sống là thế nào? Đó là những vấn-đề về nhơn-sanh mà từ xưa đến nay, các hàng tri thức đều đã hết tâm-lực suy tìm nguyên-lý để giải-quyết cho rõ-ráo.

Nhơn-sanh là gì? Nhơn là người, một loài hữu-tinh có tri-thức, đức-hạnh hơn đại đa số các loài khác, nhưng vẫn là loài hữu-tinh nên vẫn có thể đại-biêu cho tất cả các loài hữu-tinh, nghĩa là các loài có tinh-cảm, khác với cây với đá.

Sanh là sanh ra và sống còn trong một thời-gian, hoặc dài hoặc ngắn không như định.

Lấy tư-tưởng tuần-tự xét nhận cái nhơn-sanh ấy, thì gọi là **nhơn-sanh-quán**, cái đầu đề của bài này.

Nhơn-sanh-quán có thể chia ra hai phương-diện: phương-diện nhơn-loại sanh ra và phương-diện nhơn-loại sống còn.

A) *Phương-diện nhơn loại sanh ra.*

Các nhà nghiên-cứu về phương-diện ấy đặt ra nhiều thuyết như sau đây:

1) Nho giáo thì nói: «Từ Thái-cực sanh ra lưỡng-nghi là: âm và dương; âm dương sanh ra tứ-tượng là: lão-âm, thiếu-âm, lão-dương, thiếu-dương; tứ-tượng sanh ra bát-quái là: càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài (càng là Trời, khảm là nước, cấn là núi đá, chấn là Sấm, tốn là gió, ly là Lửa, khôn là Đất, đoài là Kim-khí). Bát-quái sanh ra muôn vật. Trong muôn vật ấy gồm có nhơn-sanh. Đại ý Nho giáo nói: «từ chỗ hỗn-độn lộn-xạo chia ra âm-dương, do âm-dương sanh các nguyên-chất, rồi các nguyên-chất hội-hiệp thành ra muôn vật».

2) Các nhà triết-học thì kể nói do nước tạo thành muôn vật như ông Thalès, kể nói do không-khí tạo thành như ông Anaximène, hoặc do các số hiệp thành muôn vật (một hiệp với một thành hai, hai hiệp với một thành ba, vân vân...) như ông Pythagore.

Lại có nhà nói : do tự tánh (có tri-giác) và minh sơ (không tri-giác) kết-hiệp mà thành vạn vật như số-luận-sư. Lại có nhà nói : do cái tánh có (đại-hữu-tánh) mà phát sanh ra vật-chất, ra tánh-cách, ra nghiệp-dụng, ra sự noà-hiệp, ra sự sai-khác; rồi do các tánh ấy mà hóa thành muôn vật, như Thàng-luận-sư.

3) Thần giáo thì nói do một ông Trời tạo ra muôn vật.

4) Khoa học thì nói do vật-chất kết-niệp mà có các hạ-đẳng động-vật, rồi các hạ-đẳng động-vật tiến-hóa lần mà thành loài người.

5) Đạo-Phật thì nói : loài người do nhơn duyên của nghiệp thức và của khí-huyết cha mẹ mà sanh.

Thăm định các thuyết

Chúng ta nên tóm xét lại cái thuyết về nhơn-sanh đã nói trên. Nếu nhơn sanh chỉ bởi vật-chất tạo thành thì duy có vật-chất, không có tinh thần, khác nào những con người ta mấy do các nhà kỹ-nghệ chế-tạo, tuy có cử động nhưng không có cam-giác, tư-tưởng, nhất là không có cái ý-chỉ muốn làm việc này hoặc không muốn làm việc khác. Nếu nhơn sanh do Trời tạo ra thì Trời tạo ra cách nào? Như một người nông-phu trồng cây chẳng? Như một người thợ đồ-gốm làm các đồ gốm chẳng? Như một nhà tiêu-thuyết nghĩ ra các tiêu-thuyết chẳng? Nhưng dầu thế nào, cũng không phải do nơi không mà tạo ra có.

Lại ông Trời kia có hay là không có? Nếu là không có thì làm sao tạo ra được vật khác? Mà nếu là có thì cái gì tạo ông Trời ra? Đó là những vấn-đề mà các nhà thần-giáo không thể giải-quyết; huống chi chưa hề lúc nào

một cái nhơn sanh ra được quả, hơn nữa, lại sanh ra được nhiều quả khác nhau!

Còn nư nói do sự tấn-hóa của những loài hạ-dẳng động-vật thì cũng nên xét vì sao, các vật kia phải thay đổi thân-thể. Nếu nói vì sự thích-hợp của hoàn cảnh thì hiện bây giờ đã có nhơn loại, lẽ ra không có ốc, cho đến không các vi-tế động-vật, vì đã thích hợp với loài người thì lẽ đáng không-thích với hạ-dẳng động-vật; mà nếu thích hợp với hạ-dẳng động-vật thì cần gì phải hóa thành loài người! Vậy dầu có chuyên-hóa, tất nhiên cũng phải có một duyên cớ khác là cái nghiệp-thức của các sanh vật.

Hiện nay các nhà sanh-lý học có thể nuôi các huyết trùng, nuôi các [miếng] thịt làm cho sanh trưởng, nhưng các vật ấy chỉ sanh trưởng một cách hồn nhiên như cỏ như cây, không có tinh - cảm ý-chỉ như các loài động-vật. Nghiệm xét như vậy thì chúng ta có thể nhận rằng: Vật-chất nơi thân-thể do khí-huyết cha mẹ và các thực-vật tiêu-hóa mà thành, nhưng cái cảm-giác, cái tinh-tứ, cái ý-chỉ, cho đến cái chủ động của sự sanh trưởng lần-lượt của thân người là do một cái sức vô-hình khác: cái nghiệp thức của người ấy. Cái nghiệp-thức ấy sắp-đặt thân-thể, giữ-gìn thân-thể khỏi tan-nát, điều-khiển thân-thể từ lúc mới tượng ra cho đến khi chết. Do cái nghiệp-thức nên cái thân người trong bụng mẹ đã có cảm-giác, mới sanh ra đã biết khóc biết bú, biết thấy biết nghe, lần lần biết ngó biết nhìn, biết cười biết nói, biết ngồi biết đi, biết các học thuật, các kỹ-nghệ. Vậy thời nhơn sanh là do cái nghiệp-thức và các nhân duyên vật chất mà tạo thành.

B.— Phương diện sống còn

Về phương diện sống còn, có thể chia ra hai phần là: sự sống còn của vật-chất và sự sống còn của tinh-thần.

Sự sống còn của vật-chất về phần vệ-sinh học và kinh-tế học; vệ-sinh học đề ngăn ngừa cho khỏi các bệnh hoạn, kinh-tế học đề sắp đặt cho khỏi sự thiếu thốn.

Còn về sự sống còn của tinh-thần thì có hai phần:

a) Phần học-thức,

b) phần đức-hạnh.

Học-thức thì có khoa-học và triết-học. Các lối học ấy làm cho loài người lợi dụng được các sự kinh-nghiệm của nhơn loại về quá khứ và phát-triển cái năng-lực của nhơn loại về hiện tại và tương-lai, nên có thể rất có lợi ích cho nhơn sanh. Nhưng phát-triển năng-lực cũng có thể làm nhiều điều tai-hại cho nhơn sanh nếu không có cái đức-hạnh để kèm chế lỏng tham dục vô-yếu; mà trong các lối tu-trì đức-hạnh thì không lối nào thiết-thiết bằng Đạo-Phật, vì đạo-Phật theo lý nhơn quả mà dạy cách tu-trì đức-hạnh, không có các điều dị-đoan mê-tin, nó có thể đưa người đến những sự lầm-lạc rất nguy-hiểm.

Nam-mô A-DI-ĐA-PHẬT, nhơn sanh là một vấn-đề rất cần-yếu, muốn giải-quyết một cách rõ-ráo thì cần phải xét rõ nguyên nhơn cho tường-tận, xét thân-thể là gì, xét cảnh-vật là gì, xét nghiệp-thức là gì, xét vì sao mà có nghiệp-thức, rồi y theo chỗ đã xét biết mà rèn-luyện tâm-tánh cho đến chỗ hoàn-toàn thiện-mỹ thời mới giải-quyết được vấn-đề nhơn-sanh một cách rõ-ráo.

TRÍ - ĐỘ

QUAN-NIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI CÁI CHẾT

Chết là gì ?

Thế - gian thường coi sống và chết là hai cái mâu thuẫn và sai biệt. Nhưng đối với người đạo Phật thì khác hẳn, vì họ đã nhận rõ sự vô thường của các pháp. Họ cho rằng, theo luật nhơn quả, tất cả vũ-trụ đều phải chuyển hóa, đều phải biến-dịch, không thể nào ngừng trệ được.

Nói về tinh thần thì mỗi một tư-tưởng, sau khi sanh ra, rồi cũng diệt để cho tư-tưởng khác sanh tiếp. Nói về hình-thức, thì các tế-bào cũng luôn luôn sanh-diệt, lớp này diệt thì lớp khác lại sanh. Như vậy chúng ta không thể nhìn nhận sự gì là *thử*, mà cũng không thể phân biệt được sự gì là *chung*.

Cái tư-tưởng và thân thể ta mỗi ngày mỗi chết và lúc nào cái thân trở thành một vật vô tri-giác thì cái thân thức lại cuộc vào trong một cái thân mới.

Các sự sống chết nối-tiếp nhau của các thân cũng như các sự sanh diệt hằng ngày trong một thân.

Lúc chết, thân-thức, tùy theo sức tập quán, sẽ tự dần vào một thế giới và tự nương vào một thân hình để đầu thai, để chịu quả báo do những sự hành-vi trong đời trước đã tạo ra.

Biết rõ tánh vô-thường của các pháp, nhà Phật sẽ không ngạc nhiên về cái chết và cho đó là một sự chuyển biến tự nhiên trong vòng luân-hồi.

Người đời đều do tưởng-niệm mình tạo ra, và cũng thường bị tưởng-niệm mê-nén sai khiến.

Đạo Phật dạy cho chúng ta biết những phương pháp để đào thải các tâm-niệm mê-mạt và rèn luyện trí thức cho siêu-việt, khi thân tâm đều được thanh khiết thì chúng ta sẽ hưởng-thụ nhiều hạnh phúc và sẽ thoát-ly cái đời sống vô-thường. Vậy có chán cảnh vô-thường, chúng ta mới gây được lối sống vi-biên, lối sống thanh tịnh, lối sống hoàn-toàn.

Đạo Phật coi cái sống và cái chết có liên-lạc mật thiết. Trong thế-gian, cái gì đã có hòa-hiệp tất phải có ly-tán, khi ly tán rồi sẽ hòa hiệp lại. Chúng sanh ở trong các cõi hoặc sắc thân khinh phủ, hoặc tri-não ô trược đều sống có chừng hạn và luân-hồi không ngớt.

Lại một luồng tưởng-niệm sanh-hóa chuyển-động tất cả vũ trụ, cũng như biển lớn nổi lên các làn sóng.

Do các tưởng-niệm và hành-vi tương-tục mà tạo thành cái "Ta".

Nay ta quan sát cái chết chung của các loài thì nhận thấy có bốn nguyên nhân:

a) một là sinh lực suy-nhược. Cái chết này do cái nghiệp báo đã mẫn phần, nghiệp báo tức là cái quả của những tư-tưởng và hành vi quá khứ.

Một cái thí dụ: khi ta ném một viên đá vào nước, viên đá ấy chạm vào mặt nước sẽ phát sanh một cái sức; cái sức này sẽ chuyển-động mặt nước và cấu-thành những cái vòng tròn; các vòng tròn này sẽ lan rộng ra cho đến khi nào mẫn sức phát động kia.

b) Hai là kỳ hạn đời sống hiện tại đã mẫn. (Ví dụ như loài người không sống quá 130 hoặc 140 tuổi).

c) ba là đồng thời cái nghiệp-báo quá khứ mẫn-kỳ và cái sắc-thân hiện tại suy-đổi.

d) bốn là một cái nhơn ở ngoài, mạnh hơn, đến hủy-hoại cái sanh-lực, cái sắc-thân. Sự đó cũng giống như một luồng sóng ở đáy bể cuộn lên xô-xát các cơn sóng đang yên-chuyển theo thủy triều.

Một cái ví dụ cho dễ hiểu: Một cây đèn đủ dầu có thể tắt, nếu:

- 1) tim cháy hết,
- 2) dầu hao hết,
- 3) tim và dầu đều hết,
- 4) một sức ngoài như gió thổi.

Còn về cái chết trong dây lát của người, trước hết, chúng ta nên xét cái lối sanh diệt của một tư-tưởng.

Cũng như muốn nhận thấy một vật gì, con mắt của ta phải ngó vật ấy sau nhiều nhĩp lưu - chuyển (vibrations); muốn thấu nạp một sự gì, cái tư-tưởng của ta phải trải qua mười bảy nhĩp, chia ra ba thời kỳ:

- 1) phát sanh,
- 2) tăng-trưởng,
- 3) tiêu diệt (để cho cái tư-tưởng khác tiếp-tục phát sanh).

Cái mà ta gọi rằng sống là gồm nhiều tư-tưởng nối tiếp nhau, mà mỗi tư-tưởng chỉ “sống” trong một thời gian hết sức ngắn-ngủi. Lại mỗi cái tư-tưởng đã biến cải cái thân-thức của ta và cũng có ảnh-hưởng đến thân-thể như là di-dịch sự tuần-hoàn của khí-huyết, cho nên sau mỗi một tư-tưởng, thân người không thiết y như trước. Thế là thân trước diệt và thân sau sanh. Vì vậy cho nên đạo Phật cho rằng rốt cuộc không có sự gì vật gì không đổi dời, và sự gì vật gì cũng đang chuyển hóa mãi mãi: cái chết, cái sống, không lúc nào rời nhau.

Ta có thể kết luận rằng cái chết của một cái thân không khác trăm ngàn cái chết hàng ngày của tư-tưởng và của thân-thể.

Hiện nay chúng ta cũng đang ở trong vòng sống chết; cũng như cái thân ngày hôm qua và cái thân ngày nay khác nhau, nhưng vẫn có tri-giác tương-tục; cái thân đời nay, cái thân đời trước và cái thân đời sau khác nhau, nhưng cũng có thức - tâm tương-tục; vậy tuy các thân không giống nhau, nhưng cũng không phải khác hẳn nhau.

Quán tưởng về cái chết.

Không những phái Tăng-già, mà các cư-sĩ cũng có thể tu-tập quán - tưởng. Mà trong các lối quán tưởng, cách quán-tưởng về cái chết rất bổ ích, mà cũng không có gì là bi-quan.

Trong những khi quán tưởng như vậy, chúng ta nhận thấy các pháp đều vô-thường. Vì vậy sau khi quen với cái chết, chúng ta coi sự chết như là một việc hiển-nhiên không đáng sợ. Cách quán tưởng đó sẽ giúp ta thoát-ly các sự si-mê về khoái-lạc vật-chất, sẽ phá trừ lòng ngã-mạng và kêu-gọi tâm từ-bi đối với chúng sanh đương chịu khổ và chịu chết vì lầm nhận. Cái quán đó sẽ ngăn trở chúng ta trong đường ác và làm cho khỏi chịu luân hồi trong những cảnh khổ-sở. Người nào đã nhận xét ngũ-dục là hư-vọng thì trong đời sống ngắn-ngủi, sẽ không tìm phương để làm hại kẻ khác.

Người đó sẽ tu-luyện tâm thần cho tinh-khiết để giác ngộ cái đạo-ly chơn thật.

Khi sắp chết.

Ở Tích Lan, người đạo Phật sắp-đạt thế này, khi gần giờ chết: Người hấp-hối đã thường nhận các sự vật đều sẽ bị hủy-hoại, (hủy-hoại chứ không phải đoạn diệt như nhiều ngoại đạo lầm tưởng).

Trong phòng người đó, cái gì cũng có một cái vẻ thanh-tĩnh; ngoài vị Sư hộ-niệm thì không còn ai nữa. Hoặc nếu có, thì phải im-lặng mà mật niệm, không nên khóc-than to đau thương tiếc.

Chung quanh chỗ nằm, sẽ có hoa tươi, tranh đẹp, hoặc những đồ trang-hoàng giúp cho trong phòng được vui-vẻ. Kẻ sắp chết phải định tĩnh tâm thần và nên liả hết các sự lo ngại đối với thân-thuộc, đối với của cải hoặc đối với thế gian, người ấy phải hoàn-toàn phóng-xả.

Nếu nhớ lại đời đã trải qua, thì nên hồi tưởng các điều thiện đã thi-thố, chứ không nên nghĩ các điều ác đã lỡ-lầm. Vì nếu tư-tưởng thanh-bạch, an vui thì thần-thức sẽ tìm đến những thế-giới vui-vẻ để hưởng lấy phần phước báo.

Cái tư-tưởng cuối cùng rất quan-hệ cho sự thọ-sanh. Vậy cái tư tưởng đó phải đẹp-đẽ an lành đề về sau được một cái quả an lành đẹp-đẽ.

Người nào đã trải qua một đời tinh-khiết, không làm điều ác, thì trong đời sau sẽ hưởng những quả lành.

Các công việc lành sẽ làm cho tâm-trí vững-vàng và người chết sẽ có thể quán tưởng đến các đạo-lý đã thường quán tưởng từ trước.

Tư-tưởng thông thường của thế-gian không còn, tâm-thần được thanh-thoi và nhẹ-nhàng, người đó sẽ êm-dềm lần đến cái chết, như một đứa bé vô tư-lự êm dềm vào trong giấc ngủ.

Kinh Phật có dạy: «Người nào trông nhơn lành, nghĩ việc lành, thì sẽ ngủ an-vui, dậy an-vui, sống an-vui và chết cũng an-vui»

(Lược dịch báo LA PENSÉE BOUDDHIQUE)
của Hội Les AMIS DU BOUDDHISME, PARIS

Phật đàn kỷ-niệm.

Học Phật, tức là báo ơn Phật.

Nam-mô bốn sư Thích-ca Mâu-Ni Phật,

— Hôm nay chúng ta cử hành lễ kỷ niệm ngày giáng-sanh của đức Bôu-sư Thích-ca Mâu-Ni Phật, chúng ta nhận thấy lòng kính mến lai-lãng hồng-bộ, vì chính ngày hôm nay là ngày mà 2503 năm về trước Ngài đã giáng-sanh trong thế-giới chúng ta để cứu độ cho nhơn sanh khỏi các đau khổ-não. Công đức của Phật, kể sao cho xiết; vì thương - xót chúng-sanh, Ngài đã bỏ cả sự vui-thú ở đời, bỏ cả ngôi thiên-tử, vào núi tu-hành, tìm con đường giải-thoát. Trong lúc làm lễ kỷ-niệm này, nhớ đến ơn dày của Phật, trong hàng Phật-tử chúng ta, ai lại chẳng muốn tìm cách báo đáp cho xứng đáng.

Song Phật là vị đại-giác đại-ngộ, chẳng những không thiết một điều gì mà cũng không thiếu một điều gì, chúng ta đâu đốt hương dâng hoa, treo đèn kết tui, làm lễ trang hoàng đến đâu, cũng chỉ cốt để tỏ chút lòng thành và ghi nhớ cái ngày rất quý-báu, rất vẻ-vang cho nhơn loại chúng ta, chớ chưa hề dám gọi là báo đáp ơn Phật.

Muốn báo-đáp ơn Phật, chúng ta cần phải xét vì mục đích gì mà Phật ra đời. Trong kinh có dạy « Phật vì nhứt đại sự nhơn-duyên xuất hiện ở thế », nghĩa là: « Phật vì nhơn duyên một đại sự mà xuất hiện ở đời », cái đại sự ấy là cốt để chỉ con đường tu-hành thành Phật, cho những căn-cơ thuần-thục, những căn-cơ đã được nhờ Phật dạy về đất-diu trong vô-lượng vô số kiếp về trước. Phật chỉ con đường tu hành thành Phật là cốt để cho chúng-sanh tránh sự mê-lầm, khỏi đau khổ:

Chúng ta xem lịch sử Phật thấy ngài động lòng thương-xót trong khi mục kích cái sanh-hoạt cạnh-tranh kiêu-não.

cái đau cái già cái chết của chúng sanh thì đủ rõ vì mục đích gì mà Phật giảng-sanh.

Đến sau, trong bốn mươi mấy năm, Phật tùy cơ thuyết-pháp, khi nói rộng, khi nói hẹp, khi nói thấp, khi nói cao, khi lập đi lập lại, chỉ vẽ rạch ròi, như sợ đệ-tử không hiểu, khi ngăn trước đón sau, định-ninh ràng dặt, như sợ đệ-tử lạc đường, cũng không ngoài các mục-dịch cứu độ chúng sanh ra khỏi vòng khổ nảo.

Cái sở-nguyện của Phật đả là cứu-độ chúng ta; Vậy chúng ta muốn báo-đáp công ơn Phật không chỉ hơn bằng làm thế nào, cho viên-mãng cái sở-nguyện của Phật, nghĩa là làm thế nào cho chúng ta thiết-thiết ra khỏi sông-mê bề-khổ.

Phật-tánh chúng ta có sẵn, kinh-diễn hiện đủ ba tạng, miễn chúng ta quyết-chí tu-hành thì lo gì không được đạo-quả.

Xét ra cho kỹ, chúng ta hiện nay còn chịu đau-khổ, còn làm chúng-sanh, chẳng có nguyên-nhơn gì khác hơn là chúng ta không chịu quyết-định học Phật, nghĩa là học theo cái trí-huệ, cái giải thoát, cái đức hạnh của Phật.

Học theo trí-huệ là một bước đầu rất cần-yếu, chúng ta cần phải hàng ngày nghiên-cứu kinh-diễn, nhận cái nguyên-nhơn của các sự khổ nảo, nhận cái mê-lầm của chúng ta, nhận con đường chơn chánh tu-hành cho hết sự mê-lầm thì mới có thể phát ra được cái quán-niệm theo trí-huệ của Phật.

Đã nghiên-cứu rõ biết thế nào là mê-lầm, thế nào là trí-huệ rồi, chúng ta cần phải y theo phương-pháp của Phật dạy mà gột-rửa rèn-luyện tâm-trí chúng ta, gột rửa cho hết những sự mê-lầm độc ác, rèn luyện cho đủ các tánh sáng-suốt từ-hòa, đến khi nhận hần được thân thể không khác gì cái bóng trong gương, thế giới không khác gì cái cảnh trong mộng; thì mới ra khỏi vòng sanh-tử và được hoàn-toàn giải-thoát.

Được hoàn-toàn giải-thoát rồi, tâm-trí bao la trùm khắp vũ-trụ, không còn có thể mắc về phương-diện gì, hay cuộc vào hạn lượng gì, chúng ta lại còn phải học theo đức-hạnh của Phật, phát lòng đại-bi rộng-lớn mà hóa-độ quần-sanh,

lên xuống trong tam-giới, ra vào trong ngũ-trực, chắt-chứa những sự kinh-nghiệm rất lợi-lạc trên con đường hoàng-pháp-lợi-sanh thì sự học Phật mới thiết được hoàn-toàn viên-mãng. Chúng ta thiết-thiết học Phật như vậy thì mới báo-đáp được cái công ơn chỉ dạy của đức Bôn-sư chúng ta.

Thưa các Đạo hữu, Hội chúng ta là Hội Phật-học, chúng ta phải làm thế nào cho xứng cái danh-hiệu Phật học rất quý-báu; chúng ta cần phải học, học cho biết cái đạo-lý của Phật đã dạy, học cho đến chỗ giải-thoát của Phật, học làm cho được những việc lợi-lạc hữu-tình như Phật, dầu nghĩ đến gì, nói lời gì, làm sự gì cũng không ngoài cái mục-đích học Phật thì chúng ta mới khỏi phụ cái đại-nguyện của đức Bôn-sư chúng ta là đức Thích-ca Mâu-ni-Phật.

TÂM-MINH

PHỎ CẢO

Vì không muốn để Viên-Âm lặng tiếng, nên Hội-Annam-Phật học chúng tôi quyết-định chấn-chỉnh và chú-rương Viên-âm, dầu gặp phải nhiều bước khó-khăn do hiện-tình đã gây nên.

Chúng tôi rất hoan-ngheh bài vở do các Đạo-hữu gửi về và xin gắng sức tấn-bành mọi công-việc để khỏi phụ lòng đọc giả.

Bức thư của Tỉnh-hội Phật-học Thừa-thiên gọi cho Tin-độ Phật- giáo trong nhíp lễ Phật-đản.

L.T.S. Bản san thấy bức thư sau này có một ảnh hưởng tốt đẹp mà cái kết quả là trong ngày Phật đản, Thần-kinh đã trở nên một quang-cảnh trang-nghiêm với trăm ngàn ngọn đèn giấy làm đủ kiểu, vì vậy nên bản-san lục đăng để chư thiện-tín đồng lãm.

Nam-Mô Bồn-Sư-Thích-ca Mâu-Ni-Phật

Đạo-Phật truyền qua xứ ta kể đã lâu đời, ông bà chúng ta thuở trước cho đến chúng ta ngày nay, gọi đức Từ-Bi, lòng tin ngưỡng mười phần bền vững.

Mấy năm gần đây, các nhà thiện-trí-thức tuyên dương Phật-Pháp khắp hoàn-cầu, chúng ta được nhờ ảnh hưởng, thông hiểu đạo lý, nên lòng hồi-hướng lại càng thiết-tha, chí bành đạo lại càng hăng hái. Hiện nay trí được sáng-suốt, tâm được an vui, tánh được từ-hoà, biết tránh dữ làm lành, biết thương người thương vật, lợi kỷ lợi tha, biết cách đào-tạo hạnh-phúc hiện tại và tương-lai cho mình và cho kẻ khác đều là nhờ thiện duyên tu học Phật-pháp.

Ấn trai nhớ kể rằng cây, chúng ta nhờ Phật-pháp được sự an-lành thì hàng ngày cần phải ghi-nhớ công ơn hoằng pháp của đức Bồn-sư chúng ta là đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

2503 năm về trước, Phật giáng-sanh trong nước Ấn-Độ làm một vị Thái-tử. Vì mục-kích sự đau khổ của chúng sanh, Phật đã bỏ ngôi Vua, bỏ gia đình, bỏ tất cả các sự sung-sướng thế gian, xuất-gia tu-luyện đặng tìm phương bồ-ừu.

Khi thành đạo chứng quả dưới cây Bồ-đề rồi, Phật thuyết pháp hơn 49 năm, hoá độ cho vô lượng sanh linh đều được giải thoát.

Giáo-pháp của Phật lưu-truyền nơi các kinh-điển. Chúng ta ngày nay, đỡ kinh ra tụng, không khác nào chính mình được nghe Phật chỉ dạy: Lòng từ-bi cứu khổ cứu nạn của Phật chan-chứa trong từng việc làm, từng lời nói, làm cho chúng ta cảm kích vô hạn.

Ngày Phật Đản là ngày rất quý-báu cho Nhơn loại ; toàn-thê Phật-giáo-dồ, từ Á sang Âu, đều nên đồng một lòng tín thành mà kỷ-niệm.

Vậy dám khuyên liệt vị thiện-tín bằng năm kỷ-niệm ngày ấy: Một nén tâm hương, đôi câu tri-niệm, hoặc thắp đèn, đốt pháo, hoặc treo cờ dựng bông, lễ bạc lòng thành, cầu Phật chứng minh gia-hộ cho đạo-tâm ngày mỗi kiên-cố ; Công đức vô lượng vô biên.

NHƠN MINH TỔNG LUẬN

(Tiếp theo)

VI) — Nhơn không thể là một tánh cách chung cho những sự vật dị-phẩm, nghĩa là những sự vật có cái tính cách trái với năng-biệt của Tôn. — Như nói: « Ông thầy này là bậc giác-ngộ, vì nhớ được kiếp trước vậy » thì có một phần đúng vì các đức Phật, các vị Bồ-tát, các vị A-La-Hán đều nhớ được kiếp trước; nhưng có một phần không đúng, vì các người được túc-mạng-thông cũng nhớ được kiếp trước tuy không phải là bậc giác-ngộ. Đối với cái nhơn như vậy, bên dịch có thể bát: « Ông thầy ấy biết kiếp trước nhưng đã chắc gì là bậc giác-ngộ, vì những người còn mê lầm mà được túc-mạng-thông thì cũng nhớ được kiếp trước ». Thế là cái nhơn « nhớ được kiếp trước » không đủ làm bằng cứ cho sự giác-ngộ và bên-lập đã phạm cái lỗi gọi là « bất định »,

Lại như nói: « Ông Phạm-Vương, sanh ra muôn vật vì có tánh thiêng-liêng vậy », thì nếu cái tánh thiêng-liêng là tánh đặc-biệt, bên lập đã phạm cái lỗi « bất cộng bất định » ở trước; còn nếu tánh thiêng-liêng là tánh tri-giác, không có hình-tượng, thì toàn-thể sanh vật đều có tánh thiêng-liêng và bên địch, có thể bác rằng: « Nếu vì có tánh thiêng-liêng, ông Phạm-Vương sanh ra muôn vật; có gì các sanh vật có tánh thiêng-liêng lại không sanh ra được muôn vật như ông Phạm-Vương? »

Lại như nói: « cái tiếng là thường còn, vì không có hình-tượng » thì các luồng gió, luồng điện, các cảm-giác vui buồn, cũng không có hình-tượng mà vẫn là vô-thường, có đó mất đó. Các cái nhưn ấy đều phạm cái lỗi « bất định ». Nếu một vài dị-phẩm có cái tánh cách của cái nhưn thì cái lỗi ấy gọi là « dị phẩm nhưn phần chuyển », nếu toàn-thể dị phẩm đều có tánh-cách của cái nhưn thì cái lỗi ấy gọi là « dị-phẩm biến chuyển ».

VII) Cái nhưn, dầu lập đúng cách, nhưng nếu bên-lập chưa phá được một cái thuyết trái-ngược của bên địch thì cả bên-lập và bên địch đều phạm cái gọi là « tương vi quyết định. » — Ngày xưa ở Ấn-độ có một ngoại đạo gọi là « Thanh-hiền-luận-sư » lập cái thuyết rằng: do cái tiếng mà phát khởi ra muôn sự muôn vật; họ cho cái tiếng là thường còn, muôn vật đều là vô thường. Đồng thời Thăng-luận-sư lập cái lý-luận như vậy để phá cái thuyết ấy: « Cái tiếng là vô thường vì có tánh-cách sở-tác (bị tạo tác), như cái bình cái chén ».

Muốn bênh-vực cái thuyết của mình, Thanh-hiền luận-sư lại lập ra cái lý luận sau này: « cái tiếng là thường, vì có tánh bị nghe, như cái chơn-tánh của cái tiếng. »

Trong lúc ấy, Thăng-luận-sư không phá được lý-luận của Thanh-hiền luận-sư và Thanh-hiền luận-sư cũng không phá được lý-luận của Thăng-luận-sư, nên hai bên đều phạm cái lỗi “ tương-vi-quyết-định ”

Nói cho đúng, lời “tương-vi-quyết-định” mà có ra, là vì cả hai bên chưa thông hiểu phép nhơn-minh một cách rõt-ráo. Về sau, Thanh-biễn luận-sư cũng đem cái lý-luận ấy mà đối với đạo-Phật, thì người đạo-Phật bắt một cách dễ-dàng, bằng hai cái lý-luận như sau này :

1) « Cái chơn-tánh của cái tiếng, theo thuyết của ông, chắc phải có tánh sở-tác, vì ông nói nó có tánh-cách bị nghe, như cái tiếng. »

2) « Cái tiếng và cái chơn-tánh của cái tiếng, theo ông, đều là vô-thường, vì đều có tánh sở-tác, như cái bình cái chén. »

Đối với hai cái lý-luận đó, Thanh-biễn luận-sư đã không thể bắt được cái lý-luận thứ nhứt, thì phải công-nhận cái chơn-tánh của cái tiếng, theo thuyết của họ, cũng là vô-thường, và không thể đem cái gì khác làm ví-dụ cho thuyết mình nữa.

(Còn nữa)

(ĐÍNH-CHÁNH = Số 35, trang 27 : các sự vật thì gọi là năng-Biệt, các tánh cách thì gọi là sở-biệt ; xin đọc = Các sự vật thì gọi là sở-biệt, các tánh cách thì gọi là năng-biệt).

Phật-học vấn-đáp

1er Hỏi : — Muốn sự muôn vật trong vũ-trụ có phải là tâm-tướng không ? Vậy cái thể vũ-trụ vạn-hữu cũng là tâm phải không ?

Đáp : — Muốn sự muôn vật tức là cái vũ-trụ đối hiện với cái tâm của chúng ta ; vì ngoài cái vũ-trụ đối với cái tâm của chúng ta mà hiện ra đó, thì chúng ta không thể biết là gì, huốn nữa phân biệt là sự hay là vật.

Cái vũ-trụ do cái cảm-giác chi-phối đối-đãi mà hiện-tướng còn là vậy, huống nữa là cái vũ-trụ đủ các danh-tướng phân biệt, do danh-ngôn (Dénomination) và tưởng-tượng (Imagination) mà thành lập.

Cái vũ-trụ thứ hai này toàn là tướng-tượng nên cũng có thể gọi toàn là tâm-tượng. Vậy thì vạn hữu trong vũ-trụ đó đều do tâm biến-biến nên cũng đều là tâm cả.

Có người nghĩ rằng: mỗi người mỗi tâm, vũ-trụ là một, nếu vũ-trụ là tâm của người này thì làm sao cũng thành được tâm của người khác?

Như trên đã nói, cái vũ-trụ chia từng sự vật đều do cái tâm phân-biệt chi-phối đối-đãi mà tạo-thành; mỗi người đều có tâm, thì mỗi tâm đều biến ra cái vũ-trụ đối-đãi, nên thiệt ra, mỗi người sống trong một cái vũ-trụ do tâm mình biến, chứ không phải mọi người đều sống chung một vũ-trụ; Chỉ vì chúng ta đồng có cái thân người như nhau, nên in tuồng chung một vũ-trụ mà thôi. Nhưng xét ra cho kỹ cái vũ-trụ đó vẫn có cái phần riêng rõ ràng, như đối với một người, ông cha nó thì gọi là con, người vợ nó thì gọi là chồng, người em nó thì gọi là anh, đứa con nó thì gọi là cha, mà chính người ấy thì gọi là mình, thế là năm người đã tạo ra năm tướng khác nhau. Khi chúng ta so-sánh cảnh-giới của một người học-thực với cảnh-giới của một người vô-học, cảnh-giới của một nhà chuyên-môn nghệ-sĩ với cảnh-giới của một người thường, cảnh-giới của một người dương vui với của một người dương buồn, cái khác đó lại càng rõ-rệt làm cho chúng ta biết rằng mỗi người sống riêng một vũ-trụ do tâm người ấy biến-biến.

2) *Hỏi*: Cái tâm chia ra không được, sao vạn hữu lại chia ra từng cái được?

Đáp: Cái thể của tự-tâm vẫn không chia, nhưng chính cái dụng của tự tâm thì đã chia chẻ vô số: nào thấy, nào nghe, nào nhớ, nào nghĩ, nào vui, nào buồn, nào thương, nào ghét, chia mà vẫn không chia, vì vẫn là tự-tâm; Nhưng cũng chính vì cái dụng chia chẻ của tự tâm, (chia chẻ về danh ngôn, chia chẻ về hình-tượng) mà vạn-hữu cũng chia ra từng cái, nhưng cái nào cũng do tâm biến-biến, nên chia mà vẫn không chia, cho đến không thể chia; cũng như cảnh vật

trong chiêm-bao cũng chia ra từng cái, nhưng không vật nào không phải là chiêm-bao.

3) *Hỏi*: (Thành trụ hoại không) Đến kiếp không thì sự vật thế-giới đều không thì cái không ấy là chơn không phải không? Vì đến « Kiếp thành » lại sanh lại thế-giới vạn vật.

Đáp: Nói thành trụ hoại không là chỉ cách thay đổi của một thế-giới; một thế-giới đổi với vũ-trụ, không khác gì một giọt nước đổi với quả địa-cầu, khi hóa ra hơi là không, khi đọng lại giọt nước là thành; Nhưng một thế giới dầu thành dầu không, đối với vũ trụ, vẫn không có gì là quan-trọng. Cái không của một thế-giới tức là cái giọt nước thành hơi nước, nghĩa là « không có hình tướng » mà thôi.

Luận về lý « Bất tăng bất giảm » thì cái thể chất của thế-giới trong không kiếp vẫn không hề thêm bớt, nhưng duy đến khi động lại, có hình tướng, có thể thấy được, thì mới gọi là thành. Xem như vậy thì biết cái không ấy là cái không đối với sắc (có hình tướng) chứ không phải là chơn không, vì chơn không là cái tánh « không », cái tánh « không có tự-tánh và chỉ có tánh đối-đãi » của sắc và của không.

4) *Hỏi*: Vạn hữu vũ-trụ cũng là tâm; vậy thì vì sao mà mất tánh linh-tri đi.

Đáp: Xin hỏi lại; ngoài vạn hữu vũ-trụ, lấy gì làm tánh linh-tri? vạn hữu vũ-trụ do tâm chúng ta biến-hiện, chúng ta không nhận biết như vậy, lại cho vạn hữu khác với tâm, như đó mà lăm chia ra hai phần: một phần có linh-tri một phần không linh-tri. Có người hỏi: vậy thì cục đá cũng biết đau hay sao? xin đáp, biết đau là một cái dụng của tự tâm, chứ ngoài cái biết đau ra, còn biết bao nhiêu cái dụng khác nữa. Những nhà tu tập phá được sắc-âm, toàn không biết đau, nhưng đau phải là không có tâm. Những nhà vào diệt-mộ-tướng-dị-thu, chẳng những không biết đau, mà còn không có tướng-tượng gì

cả, nhưng vẫn không phải là không có tâm; chỗ dụng tâm nhiều lỗi sai khác như vậy, nên chẳng những cái năng-tướng là tâm mà cái sở-tướng cũng là tâm; Vậy viên đá chúng ta hiện thấy, quyết định do tâm chúng ta hiện ra. Đến như viên đá của viên đá, cho đến vũ-trụ của viên đá, đều do chúng ta khó bề tưởng-tượng lắm, vì tưởng-tượng cách gì cũng tưởng-tượng theo tâm người. Nhưng xin nhớ một điều là bản thể vũ-trụ không có tư tánh, vạn hữu của vũ-trụ chúng ta hóa ra có tánh cách đối-đãi khác nhau là đều do cái chi phối của cái tâm phân biệt chúng ta.

5) Hỏi — Trong bài tụng của đức Văn-Thù có câu: Tướng trưng thành quốc độ, tri-giác nãi chúng sanh là nghĩa gì ?

Đáp — Câu ấy nghĩa đen là : cái tướng đứng lại một mạch thành ra thế-giới, phân biệt các cảm-giác đối-đãi mới là chúng sanh. Bản-tánh chọn-như tùy duyên hiển-hiện, vẫn không năng không sở, vì mê chia ra năng sở, nên giữ cái năng-tướng về một mạch thì cái sở-tướng không thay đổi, do đó mà có các nước, các thế-giới; cái năng-tướng đứng về một mạch nên dựa vào một nơi làm căn cứ (thân), phát sanh ra làm cảm-giác đối-đãi, rồi phân biệt các cảm-giác ấy chia ra có thân có cảnh, do đó mà thành chúng sanh. Cái nguyên do của "chúng sanh, quốc độ là vậy, chứ không phải trước không mà sau có; chính trong hiện tiền đây, ngoài cái nguyên do ấy cũng không có gì đáng gọi là chúng sanh, là quốc độ.

6) Hỏi — Tự thọ dụng thân và tha thọ dụng thân (báo thân) của Phật lúc nào cũng có (thường hằng) hay là lúc nào ưng có mới có ?

Đáp — Hai cái thân ấy, là trí-thân, chứ không

phải là sắc-thân, nên thường hằng, không thay không đổi, không phải có hình, nhưng không lúc nào không có.

7) Hỏi — Cái tự thọ dụng thân của Phật thì Phật với Phật mới thấy nhau đúng, thế thì trên cõi Phật không có hình-tượng, cái sự có của thân ấy cách làm sao ?

Đáp — Tự thọ dụng thân đã là cái trí-thân, lại là cái trí đầy-đủ vô lượng công-đức, nên duy các đức Phật đã chứng như nhau mới có thể biết nhau.

Theo lý "Trùng trùng duyên khởi", một tâm niệm chúng sanh cũng có ảnh-hưởng cùng cả pháp-giới, tức là ảnh hưởng đến tất cả các tâm khác. Cho các đức Phật thấy nhau là nhận hiểu cái ảnh-hưởng trí-niệm của nhau, chứ không cần phải thấy mặt mới gọi là thấy ; chẳng những các đức Phật, các vị Pháp-thân Bồ-tát lãnh-thọ giáo-pháp của chư Phật cũng chỉ lãnh-thọ cái ảnh-hưởng trí-niệm mà thôi. Song vì các Ngài chỗ chứng chưa đầy-đủ, chỗ nhận-hiểu cũng chưa hoàn-toàn, nên gọi các Ngài chỉ thấy cái tha-thọ dụng thân của Phật.

VIÊN-ÂM



Đại ý Kinh Thủ-lăng-nghiêm

(tiếp theo)

Phật chỉ rõ chỗ vọng-sanh tương-tục (tiếp theo)

Sau khi Phật đã dạy về cái hư-vọng tạo thành ra thế-giới nguyên-nhơn vì nơi tánh-giác diệu-minh, riêng nhận cái minh làm giác, giả-dối lập ra năng-minh sở-minh, và phân biệt sở-minh ra tứ-đại, ra thế-giới; Phật lại chỉ rõ vì đâu mà có chúng sanh. Vì đâu? Xét ra chỉ vì chúng sanh không rõ bản-tánh, nhận riêng cái-minh làm giác, nên mới tạo ra các tướng sở-minh; các tướng sở-minh đã tạo ra rồi thì cái tánh-minh của bản-giác lại thành ra năng-minh, mà đã là năng-minh thì không thể ra ngoài cái hạn-lượng của sở-minh được. Vì năng-minh bị cuộc vào trong hạn-lượng sở-minh nên nghe thì không ra ngoài các tiếng, thấy thì không ra ngoài các sắc, và đối với sáu trần, lại chia ra có sáu căn. Sáu căn là thân, sáu trần là cảnh, đối với mỗi thân thì hoàn-cảnh hiện ra mỗi khác.

Những loài thân-thể giống nhau thì gọi là đồng-nghiệp; thân-thể đã giống nhau thì hoàn-cảnh cũng giống nhau, rồi như vì thấy nghe như nhau mà phát sanh ra các sự giao thiệp, ràng-buộc lẫn nhau. Lại do tâm-niệm chiêu-cầm, các chúng sanh đến thác-sanh nơi cảnh-giới của loài đồng-nghiệp, hoặc vì hiệp (như hai tinh trùng hiệp lại) hoặc vì ly (như một vi trùng chia ra thành hai vi-trùng) hoặc vì thành (như do tiêu-thụ các thực-phẩm trong trứng mà thành hình) hoặc vì hoại (như biến hóa) mà thành ra có thân.

Chúng sanh do nơi lục-căn mà biến hiện ra lục-trần, lục-căn đối với lục-trần phát-khởi ra các tướng-niệm, rồi tướng-niệm khác nhau thì ghét tướng-niệm đồng nhau thì ưa. Vì cái lòng ưa, vì cái đồng tướng, ảnh hưởng lẫn nhau, cảm-trị lẫn nhau nên chúng sanh về nghiệp nào chỉ sanh về

ngiệp ấy; rồi tùy theo mỗi nghiệp, hoặc thái-sanh, hoặc oán-sanh, hoặc thấp-sanh hoặc hóa-sanh. Chúng sanh khi thì vì tình khi thì vì tưởng, khi thì hòa-hiệp, khi thì ly tán, nhưn tình mà sanh tưởng, nhưn tưởng mà sanh tình, nhưn hiệp mà thành ly, nhưn ly mà thành hiệp, gây ra các nghiệp, rồi theo các nghiệp mà bay lên chìm xuống; do đó nên chúng sanh xoay-vần mãi mãi trong lục đạo.

Vậy chúng sanh xoay-vần trong lục-đạo đều vì gây nghiệp-nhơn nên phải chịu nghiệp-quả. Chúng sanh gây nhưn chịu quả, luân hồi mãi mãi, chỉ vì vọng-tưởng phân-biệt, sanh ra có ưa, có ghét; ghét thì tránh xa, ưa thì không rời; chúng sanh ưa cái phân-biệt, ưa cái thân thể nên hết đời này sang đời khác, hết thân này nhận thân khác, luân-hồi mãi mãi.

Lại muốn những cái mình ưa về phần mình thì gọi là tham; càng tham thì lại càng ưa, càng ưa thì lại càng tham, tham mãi không thôi nên vì sự nuôi thân mà chúng sanh thường lấy sức mạnh mà giết nhau ăn nhau; bọn ấy gây nghiệp là vì lòng tham mà sát hại.

Lại chúng sanh nào cũng yêu-qui cái thân-thể, mà những chúng sanh sức mạnh cướp-đoạt cái thân của chúng sanh yếu hơn để làm đồ ăn, thì đời này mình ăn cướp thân mạng của người ta, đời sau người ta ăn cướp lại thân mạng của mình, trộm cướp lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, mãi mãi không thôi, đó là vì lòng tham, trộm cướp mà gây nghiệp.

Lại yêu nhau vì sắc, mến nhau vì tình, thương yêu nhau, ràng buộc nhau, đời đời kiếp kiếp; đó là vì lòng tham, thành ra đắm-ái mà gây nghiệp.

Nói tóm lại, thế gian chúng sanh, nghiệp-quả, mà giả-dối thành-lập đều là do lầm nhận riêng một cái mình làm giác, nhưn năng-minh phát ra các tướng sở-minh; năng-minh duyên với sở minh phát sanh ra các vọng tưởng; vọng tưởng phân-biệt ưa ghét mãi mãi không thôi, nên mới có thế-giới, chúng sanh, nghiệp-quả, xoay vần không ngừng.

(còn nữa)

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG PHÁP

Năm 1940

(Sắc lệnh ngày 20 tháng 8 năm 1939 — Nghị-dịnh
ngày 7 tháng 11 năm 1939)

Phát hành lần thứ hai: 1.200.000 vé

Chia ra làm **BỐN BỘ** (A-B-C và D) mỗi bộ **300.000** vé. xổ ngày 13 tháng 6, 18 tháng 7, 22 tháng 8 và 26 tháng 9 năm 1940.

MỖI BỘ CÓ :

1 số trúng	10.000\$
10 — trúng	1.000
30 — trúng	500
120 — trúng	100
300 — trúng	50
900 — trúng	20
6000 — trúng	10

Ba lô lớn chung cho bốn lô là những lô này :

1 lô	20.000\$
1 lô	40.000
1 lô	100.000

Lô nào trúng mà không lụi trước ngày 26 tháng 3 năm 1941 thì cuộc Xổ Số Đông-Pháp được hưởng.

CHÚ-Ý ; — Những vé hoặc trúng hoặc không trúng trong bốn kỳ xổ riêng của bốn bộ cũng được dự vào cuộc xổ chung lấy ba lô lớn.

Kinh thủ lãng-nghiêm

diễn-nghĩa (tiếp-theo)

Ông Phú-lâu-Na bạch Phật rằng: « Nếu cái bản tánh diệu-minh của tánh-giác tức là tâm-địa Như-lai, không hề thêm bớt; lại không có chi, thoát sanh ra sơn-hà đại-địa và các tướng-hữu vi khác, vậy hiện nay đức Như-lai đã chứng đặng bản-tánh diệu-minh, không còn các tướng hư vọng, chẳng biết lúc nào mới phát sanh ra lại các thói quen mê-lắm, tạo thành sơn-hà đại-địa và các tướng hữu vi ? »

Phật dạy: « Ông Phú-lâu-Na, ví như một người mê (không biết), ở trong một xóm, lầm nhận phương Nam làm phương Bắc thì cái mê ấy lại là vì mê mà có, hay vì ngộ (biết) mà thành ? »

Ông Phú-lâu-Na thưa: « Người mê như vậy, cũng không phải vì mê, lại cũng không phải vì ngộ. Vì lẽ gì ? vì cái mê ấy vốn không có nguyên-do, lẽ đâu lại là vì mê; mà cái ngộ không thể sanh ra mê, thì lẽ đâu lại là vì ngộ ».

Phật dạy: « Cái người mê kia chính lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ; Vậy ông Phú-lâu-Na, ý ông nghĩ thế nào ? Người ấy dầu đã mê, nhưng ở trong xóm làng ấy lại còn mê được nửa chăng ? »

— Thưa Đức Thế-Tôn, không thể vậy.

— Ông Phú-lâu-Na, các đức Như-lai trong mười phương thì cũng như vậy; cái mê ấy vốn không có gốc, tánh nó rốt-ráo là Không; xưa vốn không có mê, chỉ in tưởng có mê có giác. Hễ giác được cái mê thì cái mê diệt, và cái giác không thể sanh ra cái mê.

Lại cũng như một người lòa mắt thấy hoa đốm giữa hư-không, nếu trừặng bệnh lòa thì giữa hư-không, hoa đốm tiêu diệt không còn nữa; bằng có người ngu đợi cho hoa đốm sanh ra lại nơi chỗ hư-không có hoa đốm khi trước, ông xét thử người ấy là ngu hay là huệ (có trí) ?

Ông Phú-lâu-Na thưa: "Hư-không vốn không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy hoa-đốm sanh diệt; thấy hoa-đốm tiêu diệt giữa hư-không đã là điên-đảo rồi, nay lại còn muốn biểu nó sanh ra lại thì thiệt là điên đại, làm sao còn gọi được những người điên như vậy là ngu hay là huệ !"

Phật dạy: « Ông đã hiểu như vậy, làm sao ông còn hỏi lúc nào cái diện-giác-minh-không của các đức Phật Như-lai sanh ra lại sơn-hà đại-dịa !

Lại như trong đá mỏ có lộn vàng ròng, một phen lấy được [vàng ròng] ra thì không thể lộn vào trong đá; cũng như cái cây đốt đã ra tro, không thể trở lại thành cây, Bồ-đề niết-bàn của các đức Phật Như-lai thì cũng như vậy ».

(còn nữa)

TIÊU TỨC

Tin trong Hội



Tổng-trị-sự : Về việc hoằng-pháp, T.T S. đã yêu-cầu các Thầy Mật-Nguyên, Mật-Thê, Đôn-Hậu, Trí-Thủ đi diên-giảng, nhưng phần đông đau-yếu nên chỉ có thầy Đôn-Hậu đi giảng được mà thôi.

Tháng hai từ mồng mười giảng tại Quảng-trị và lần-lượt từ Quảng-Bình, Vinh, Thanh-hóa.

Tháng ba từ mồng mười giăng tại Tourane và lần-lượt tại Faifoo, Tam-kỳ, Quảng-ngãi, Qui-nhơn, Sông-cầu, Tuy-hòa, Vạn-ninh, Vạn-giã, Ninh-hòa, Nha-trang, Phan-rang, Dalat và Phan-thiết.

— Về Trường học ngày 5 và 6 Janvier 1940 đã mở kỳ thi tấn ích, năm nay Tổng-trị-sự nhận thêm rất nhiều học-sinh; số học-sinh hiện nay có :

10 điệu có học-lăm

6 điệu của các Tỉnh-hội gửi

18 điệu của các chùa gửi

11 điệu dự thỉnh.

Cộng tất cả là 45 học-sinh; Tổng-trị-sự lại có cử một ban kiểm-sát để trông nom học-sinh cho được chu-đáo.

— Về Viên-âm Tổng-trị-sự định lập một ban biên-tập, nhưng hiện nay chưa có vị nào vào ban.

Tỉnh-hội Thanh-hóa : Tỉnh-hội này vẫn đề Cụ Nguyễn-hữu Phái làm Hội-trưởng. Hiện đang tấn-hành mọi công việc.

— Hội-viên Chi-hội Bái-thượng M. Đào-trọng-Nhưng đã quên mình nhảy xuống đập (Barrage) Bái-thượng để cứu tên Nhỏ, trong lúc trời rét-mướt. Chỗ đập này nước chảy cuồn-cuộn mà dưới nước có nhiều hang đá. Thiệt là một nghĩa-cử đáng khen.

Tỉnh-hội Vinh : Trong dịp lễ Phật-đản, Tỉnh-hội Vinh có nhờ Tỉnh-hội Thừa-thiên rước 3 vị Táng-giã Huế ra làm lễ. Lễ đã cử hành rất long-trọng.

Tỉnh-hội Quảng-Bình : Lễ thành-hôn cho ái-nữ ông Hội-trưởng Nguyễn-Quý đã cử hành tại Hội-quán ngày 28 Février 1940.

Trong dịp Khánh-đản, có làm lễ cầu cho Pháp-quốc thắng-trận.

Tỉnh-hội Quảng-trị : Ngày 17 Mars 1940, Tỉnh-hội đã làm lễ đặt đá chùa Hội-quán có đông quan-khách Pháp Nam đến dự.

Tỉnh-hội Thừa-thiên. — Ngày 11 Novembre 1939 có làm lễ cầu cho Đồng-Minh thắng trận.

Ngày 18 Février 1940 vì Cụ Trần-thanh-Đạt mong bỏ Tuần-vũ Phan-thiết, nên Tỉnh-hội đã nhóm Đại-hội-đồng bất-thường để cử Cụ Lê-chí-Hàm thay thế.

Ngày 8 Avril 1940, Tỉnh-hội có thiết lễ cầu-siêu cho vong linh ông Daydé, nguyên Đốc-học và là thân-sinh bà Martin, thiệt-hành hội-viên. Lễ cử hành rất long trọng có Cụ Sogny dự lễ.

Ngày 12 Mai 1940 Cụ lớn Phạm-Quỳnh, thượng-thor Bộ giáo-dục, Danh-dự hội-viên toàn hội có cùng cho Tỉnh-hội một cặp tràng-phang và một bộ kinh Vạn-Phật.

Tỉnh-hội Đà-nẵng (Tourane). — Tỉnh-hội Đà-nẵng ngày 27 Janvier 1940 có lập ban nghiên-cứu Kinh-diễn, ban Tịnh-độ và ban Đổng-ấu.

Về nhip lễ Phật-đản, Tỉnh-hội có thỉnh Thầy Đôn-hậu vào giảng và sửa lễ qui y, phái điệp do Thầy Toàn-ký chứng-minh đứng tên.

Tỉnh-hội Faifoo. — Có tổ-chức ban đàm-thoại, mục đích để cho hội-viên nói chuyện về Phật-pháp.

Tỉnh-hội Quảng-ngãi. — Ngày 8 Octobre 1939 đạo-hữu Cao-hữu-Thường có đến ban Tịnh-độ Phú-nhon để nhắc lại:

- 1) làm phận sự,
 - 2) Siêng năng.
 - 3) Trông cây nơi sự thắng trận của Pháp-quốc, có đọc lại bài tuyên-cáo của quan Toàn-quyền Catroux.
- b) Giúp hội Hồng-thập-tự.
- 15 ban Tịnh-độ vào hội Lạc-thiện đóng tiền mỗi năm, mỗi ban 3\$00.
- Ngày 11 Novembre 1939 có làm lễ chúc thắng trận tại Hội-quán Tỉnh-hội.

— Ngày 5 Novembre 1939 tại Hội-quán có tổ-chức cuộc Nhi-dồng Phát hóa. Hơn 100 trẻ em đến dự.

Tỉnh-hội Bình-định. — Đang xin mua một miếng đất để dựng chùa Hội-quán và sắp sửa sẽ được phép quan trên.

— Mỗi tháng mỗi làm lễ cầu-siêu cho hội-viên quá-cổ và trần vong tướng-sĩ.

— Trẻ em đến tập tụng niệm mỗi tháng 4 kỳ.

Tỉnh-hội Phú-yên. —

Tỉnh-hội này tấn-hành rất khó-khăn.

Tỉnh-hội Nhatrang. — Ngày 25 Janvier 1940 đã nhóm Đại-hội-đồng để bầu ông Chánh-hội-trưởng. Kết quả đạo-hữu Tôn-thất-Quyền đắc cử.

Tỉnh-hội có lập ban tu-vấn để chăm lo công việc khảo-cứu kinh-diễn. Anh em ông Nguyễn-Giám cúng cho Tỉnh-hội chùa Long-sơn.

Tỉnh-hội Phan-rang. — Tỉnh-hội hiện đang cổ-đồng rất ráo-riết để khuyến-khích thiện-tín vào Hội và có đặt nhiều giải thưởng.

Tỉnh-hội Phan-thiết. — Tỉnh-hội này đã nhờ Tổng-trị-sự đứng đơn xin thuê một đám đất ở phường Lạc-đạo và hiện đang dự-trù tấn hành công việc kiến-trúc.

Tỉnh-hội Haut-Donnai. — Ngày 1er Février 1940 làm lễ khánh thành cho Chi-hội Djiring và làm lễ cầu-chúc Đại Pháp thắng trận có quan Công-sứ và quan Quận-đạo dự lễ.

Chi-hội Gia-lai. — (Pieiku) Ngày 24 và 25 Décembre 1939 Chi-hội Gia-lai có tổ-chức hai đêm hát để giúp hội Pháp-việt bác-ái. Số tiền thu, trừ phí-tồn, còn được 244\$88. Hiện Chi-hội Gia-lai đang xin đất để dựng Hội-quán. (Rất trong các tờ nguyệt-đề của các tỉnh-hội).



Kinh cáo cùng Độc giả

Các ngài mua Viên-Âm đến số 36 là hết hạn. Nay số 37 là thuộc về năm thứ tư. Vậy các ngài khi nhận được số 37 này thì xin gửi ngay mandat cho chúng tôi, như các ngài không muốn mua nữa, xin gửi báo trả lại cho.

Chúng tôi lấy làm cảm ơn lắm.

VIÊN-ÂM

Ai muốn trừ tà hộ mạng, cầu nguyện phước đức nên đeo Phật-chương sau này :

Kiểu A.— Hình bằng đồng, Tượng xuy vàng, trong trắng sành, ngoài khảm pháp lam, có câu Kinh và có khuy để đeo giây.

Kiểu B.— Hình bằng đồng, Tượng vàng mình trắng, xung quanh đỏ, trên bằng nhơn sớng có câu kinh, và có khuy để đeo giây.

Hai kiểu này đều gọn và nhẹ, bền và sạch, giá rẻ mà đeo đẹp.

Giá từ 0\$45 cho đến 400\$ một cái.

Các Chùa, các Hội Phật, hoặc các thiện nam tín nữ, ai muốn thỉnh bao nhiêu xin gửi mandat và thơ cho :

M^{me} PHAM-THI-TRAC
12, Rue Doudart de Lagrée
Huế (Annam)

Tin ngoài hội



Hội Phật-giáo Vientiane thành lập

Theo nguyện-vọng của phần đông Việt-kiều ở Vientiane, Quan Khâm-sứ Ai-lao đã cho phép Hội Phật-giáo Vientiane thành lập kể từ ngày 15 Janvier 1940. Mục-dịch của Hội là dung-hòa tôn-chỉ đạo Phật với ý-nghĩa phước-thiện. Trong ba tháng số hội-viên sẽ có 3000. Quan Đốc-lý Vientiane đã vui lòng nhận làm danh-dự-hội-trưởng. Bản san xin có lời mừng và xin chúc: Hội Phật-giáo Vientiane sẽ làm được nhiều phước-sự và mau mau tấn bước trong đường đạo.

Một tờ báo Phật bằng pháp-văn

Hội « Amis du Bouddhisme » tại Paris 31 Rue de Seine vừa rồi đã xuất bản một tờ báo lấy tên là « La pensée Bouddhique » cốt đề giảng-giải giáo-lý đạo Phật. Báo này sẽ ra ba tháng một kỳ, mỗi năm 4 tập giá 20 francs. Hiện nay đã ra đến số 4 và có nhiều bài rất có giá-trị, một phần do các vị tỉ-kheo ở Tây-trúc viết.

Ngài Thái-Hử pháp-sư tại Đông-Dương

Ngài Thái-Hử pháp-sư ở Trung-quốc rất nổi tiếng đương thời. Ngài chủ-trương tờ báo rất có giá-trị bằng Hán-văn là Hải-triều-âm và đã nhiều lần thuyết-pháp tại Âu-mỹ được công-chúng hoan nghinh và qui-ngưỡng.

Vừa rồi Ngài qua thăm Diến-diện, Ấn-độ, Tích-Lan, Thái-lan, và khi đi tàu bay về Ngài có ghé lại Hanoi và đến viếng Hội-quán Phật-giáo-hội Bắc-kỳ.

Hội Annam Phật-học chúng tôi được tin trên, không kịp gửi đại-biểu ra bái yết ngài, rất lấy làm tiếc và có lời mừng cho Hội Phật giáo Bắc-Kỳ.

Một ông Kỹ-sư Pháp thọ-giới. — Vừa rồi, một vị Kỹ-sư và kiến-trúc-sư người Pháp là ông Georges Maës, 40 tuổi, đã thọ-giới và nhập tu tại một chùa ở Salgala (Tích lan).

Ông Georges Maës là người Pháp đầu tiên thọ-giới xuất-gia trong ngày đản-sanh Phật. Nhờ Hội « Les Amis du Bouddhisme » giới-thiệu, ông đã biết rõ cách sanh-hoạt tại Tích-lang.

Năm 1937, trong lúc Phật-giáo-đồ nhóm tại Paris, ông Georges Maës biết tin có nhà tu ở Salgala và từ đó ông nhất định xin thôi việc và phát nguyện xuất gia.

Về chữ Vạn

Quan Toàn-quyền Đông-Pháp ngày 3 Mai 1940 đã ký nghị định cấm trong cõi Đông-Pháp không được dùng hoặc chế, hoặc bày các thứ hàng hay cờ có dấu-hiệu chữ Vạn, bất kỳ hai đầu chữ Vạn xoay về phía nào, cả các đồ thờ hoặc công hoặc tư, có dấu-hiệu ấy cũng bị cấm.

Người nào bất tuân lệnh này có thể phạt tù từ 1 đến 15 ngày, hoặc tiền từ 1 đến 100 quan tiền Tây, nếu không có luật nào định hình phạt nặng hơn luật này.

TIN TRONG NƯỚC

Đối với các công chức phạm tội làm hại Quốc-phòng

Suốt trong thời kỳ chiến-tranh các công-chức nào hoặc trong khi làm việc, hoặc ngoài giờ làm việc mà hành-động có thể cô-động cho những chính-đảng đã bị cấm hay có hại cho Quốc-phòng thì tức khắc bị cách-chức ngay.

Cũng trong thời kỳ ấy, các công chức có nhân trong một chính-đảng nào đã bị giải-tán mà không công-nhiên tỏ rõ thái độ thoát ly đảng ấy rồi thì sẽ bị huyền chức.

Một đám cưới kỳ khôi

Vừa rồi ở Hải-phòng có một cái đám cưới rất ly-kỳ là cô dâu và chú rể là hai người đã từ-trần cách 10 năm nay. Bên nhà Trai một đêm nằm mộng thấy con về nhờ cha mẹ

đi hỏi vợ. Cha mẹ cũng chịu con, và quả nhiên đến nhà
gái hỏi thì bên này cũng nhớ cách lâu có người con gái từ
trần. Hai bên bèn ỷ-ước, và lựa ngày cưới cho đôi trai gái.
Kết cuộc cũng cheo cũng cưới và cũng tiệc linh-dinh; chỉ
có khác là cô Dâu chú Rề là hai bài vj.

(theo báo *Tin Mới*)



#47
DANH-SÁCH HỘI-VIÊN TỪ TRẦN ^g Juillet 1940

Tỉnh-hội Quảng-bình. — M. Phan-Chất, thiết hành, từ ngày 8 tháng 11 năm kỷ-mão.

M. Đặng-trùng-Quang Tăng-già, từ trần ngày 11 tháng năm kỷ mao.

Tỉnh-hội Thừa-thiên. — Mme Nguyễn-thị-Lưu, thiết hành hội viên từ trần ngày mồng 3 tháng giêng năm Bính thìn. Mme Trịnh-thị Năng, Vĩnh viễn thiết hành từ trần ngày Mars 1940.

Tỉnh-hội Đà-nẵng. — M. Trần-Thức, từ trần ngày tháng 10 năm kỷ mao.

Mme Phan-thị-Liên, từ trần ngày 12 tháng 11 năm kỷ

Mme Nguyễn-thị-Khuông, từ trần ngày mồng sáu tháng năm kỷ mao.

Tỉnh-hội Quảng-Nam. — Mme Nguyễn-thị-Phương, từ ngày 19 tháng 11 năm kỷ-mao.

M. Lê-ngọc-Toàn thiết-hành, từ trần ngày 12-2-40.

Mme Nguyễn-thị Chử, thiết hành, từ trần ngày 28 Février

Tỉnh-hội Quảng ngãi. — M. Nguyễn-Nghiêm, từ trần ngày 5 tháng 11 năm kỷ mao.

M. Võ-An, tùy-hỉ, từ trần ngày 17 tháng 11 năm kỷ

Mme Trần-thị-Châu, tùy-hỉ, từ trần ngày 5 tháng 11 năm kỷ mao.

M. Nguyễn-văn-Thuế, tùy-hỉ, từ trần ngày 10 tháng chạp, kỷ mao.

Mme Bùi thị-Lộ, tùy-hỉ, từ trần ngày 11 tháng chạp năm kỷ mao.

Mme Võ-thị Ngán, thiết-hành, từ trần ngày 19-12-39.

M. Huỳnh-văn-Lại, thiết hành, từ trần ngày 19-12-39.

Mme Trần-thị-Ân, tùy-hỉ, từ trần ngày 20 tháng 11 năm kỷ mao.

Tỉnh-hội Bình-dịnh. — Bà Nguyễn-Phan (tức Nguyễn-thị-Lộ) vĩnh viễn từ trần ngày rằm tháng 11 năm kỷ mao.

Tỉnh-hội Pleiku. — (Chi-hội Gia lai) Phan-Kiên thiết-hành, từ trần ngày 17 tháng hai năm Bính-Thỉnh (25-3-40)

Bản-san thành tâm niệm Phật cầu chúc cho các vong linh trên này được vãng sanh cực-lạc.

KINH - CAO

đi hỏi về các ngài muốn khảo cứu triết-lý của đạo Phật,
gái hỏi các ngài muốn biết tâm tánh của mình,
trần. Các ngài muốn biết con đường tu hành cho đến chỗ
Kết hoàn toàn,
có kh.

Xin hãy đọc :

Viên Âm Nguyệt-San

một tờ tạp chí chuyên chú về Đạo Phật
do Annam Phật học Hội (SEERBA).

Xuất Bản

Trưởng nhiệm : Hội trưởng hội Annam Phật học
NGUYỄN-ĐÌNH-ROÈ

Đài vô dăng Viên-Âm : xin gởi cho chủ bút
ĐÌNH-THÂM médecin indochinois, hôpital Hué,
N° 73.

Trước tiên báo, đăng quảng cáo xin gởi cho quản lý :
ĐÌNH, Boite postale N° 29 - Hué

giá	Một năm.	2\$00
	Sáu tháng	1\$10
	Mỗi số	0\$20

Hội viên hội Annam Phật học muốn hưởng 25% giá
báo xin do các hội-trưởng tỉnh hội gởi mua

Visé par la Censure de Hué sous le n° 517 du 19 juin 1940
Le Président de la Com de Censure
Signé : SOGNY